

TRƯỜNG THPT MẠC ĐÌNH CHI
TỔ XÃ HỘI
MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ & PHÁP LUẬT

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ MINH HOẠ GIỮA KỲ II – LỚP 11

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

a. Kiến thức:

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở trong nửa đầu học kỳ II lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình
- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

c. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được nội dung cơ bản của công dân bình đẳng trước pháp luật, bình đẳng về dân tộc và tôn giáo, quyền và nghĩa vụ công dân trong vấn đề bình đẳng giới, về thực hiện quyền và nghĩa vụ bầu cử, ứng cử, tham gia quản lý nhà nước và xã hội và bảo vệ Tổ quốc

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ của công dân

b. Phẩm chất:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ 2 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 10: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật

Bài 11: Bình đẳng giới

Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo

Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội

Bài 14: Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Kiểm tra tập trung tại lớp
- Kiểm tra theo hình thức: Trắc nghiệm 70%, tự luận 30%
- Kiểm tra theo ma trận và đặc tả

IV.MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức																Tổng			
		Nhận biết				Thông hiểu				Vận dụng				Vận dụng cao							
		CH		Điểm		CH		Điểm		CH		Điểm		CH		Điểm		CH		Điểm	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Bài 10: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	3		0,75		2		0,5										5	0	1,25	0
2	Bài 11: Bình đẳng giới	3		0,75		2		0,5			1		2					5	1	1,25	2
3	Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	4		1		2		0,5										5	0	1,5	0
4	Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội	3		0,75		2		0,5										5	0	1,25	0
5	Bài 14: Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử	2		0,5		2		1,25							1		1	4	1	1,75	1
Tổng		15	0	3,75	0	10	0	3,25	0	0	1	0	2	0	1	0	1	27	2	7	3
Tỷ lệ %		40				30				20				10				30		10	

V.ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II

TT	Chủ đề	Mạch kiến thức	Mức độ đánh giá	Các mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Chủ đề 7: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	Bài 10: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về: <ul style="list-style-type: none"> + Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí) <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội 	3	0	2	0	0	0	0	0
2		Bài 11: Bình đẳng giới	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ý nghĩa của quyền bình đẳng giới trong các lĩnh vực của công dân đối với đời sống con người và xã hội <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng bình đẳng giới trong các lĩnh vực của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn 	3	0	2	0	0	1	0	0
3		Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo 	4	0	2	0	0	0	0	0
4		Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về: Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được hậu quả của hành vi vi phạm 	3	0	2	0	0	0	0	0

	Chủ đề 8: Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân		<p>quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội - Phân tích được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội <p>Vận dụng cao:</p> <p>Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền dân chủ của công dân</p>								
5		Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về: quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử 	2	0	2	0	0	0	0	1
7				15	0	10	0	0	1	0	1

VI. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II

TRƯỜNG THPT MẠC ĐĨNH CHI

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

MÔN GDKT&PL – LỚP 11 - Mã đề 155

THỜI GIAN: 45 PHÚT

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Phát biểu nào dưới đây là sai về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo?

- A. Nam nữ bình đẳng về lựa chọn ngành nghề học tập.
- B. Nam nữ bình đẳng về độ tuổi đi học.
- C. Nam nữ bình đẳng trong tiếp cận nguồn vốn.
- D. Nam nữ bình đẳng khi tiếp cận chính sách giáo dục.

Câu 2: Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, địa vị, giới tính, tôn giáo là thể hiện quyền bình đẳng trước pháp luật ở nội dung nào dưới đây?

- A. Bình đẳng về thành phần xã hội.
- B. Bình đẳng dân tộc.
- C. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- D. Bình đẳng tôn giáo.

Câu 3: Cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực

- A. tôn giáo.
- B. tín ngưỡng.
- C. giáo dục.
- D. văn hóa.

Câu 4: Bất kì công dân nào đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được bình đẳng về hưởng quyền và phải

- A. ủy quyền lập di chúc thừa kế.
- B. thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước.
- C. truyền bá các nghi lễ tôn giáo.
- D. chia đều các nguồn thu nhập.

Câu 5: Công dân dù ở địa vị nào, làm bất cứ nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm

- A. bồi thường.
- B. cải chính.
- C. pháp lí.
- D. hòa giải.

Câu 6: Bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình thể hiện ở việc vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. che giấu hành vi bạo lực.
- B. chiếm hữu tài sản công cộng.
- C. tôn trọng danh dự của nhau.
- D. áp đặt quan điểm cá nhân.

Câu 7: Theo quy định của pháp luật, nam và nữ đều có quyền bình đẳng trong việc tiếp cận thị trường vốn để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh là nội dung cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trên lĩnh vực

- A. tài sản.
- B. kinh tế.
- C. gia đình.
- D. văn hóa.

Câu 8: Những chính sách phát triển kinh tế- xã hội mà Nhà nước ban hành cho vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng sâu vùng xa là góp phần thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. kinh tế.
- B. văn hóa.
- C. chính trị.
- D. xã hội.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây là sai về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo ở nước ta?

- A. Mọi người có quyền tự do hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.
- B. Mọi người có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào.
- C. Nhà nước tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tôn giáo theo quy định của pháp luật.
- D. Nhà nước tôn trọng và bảo vệ mọi tôn giáo ở Việt Nam.

Câu 10: Theo quy định của pháp luật, công dân thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Sử dụng dịch vụ công cộng.
- B. Khai báo hồ sơ dịch tễ trực tuyến.

- C. Giám sát việc giải quyết khiếu nại. D. Đề cao quản điểm cá nhân.

Câu 11: Theo quy định của pháp luật, các tôn giáo được nhà nước công nhận đều

- A. phải chịu trách nhiệm pháp lý. B. phải công khai thu nhập.
C. nộp thuế cho nhà nước. D. bình đẳng trước pháp luật.

Câu 12: Việc làm nào dưới đây thể hiện công dân thực hiện tốt nghĩa vụ tham gia quản lý nhà nước và xã hội?

- A. Chủ động tiếp cận thông tin. B. Tôn trọng quyền lợi của người khác.
C. Giám sát việc thực hiện bầu cử. D. Khiếu nại tới cơ quan chức năng.

Câu 13: Nội dung nào dưới đây là hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội?

- A. Giảm lòng tin của nhân dân. B. Phát huy vai trò của người dân.
C. Mở rộng dân chủ trong nhân dân. D. Tăng cường năng lực giám sát,

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 14, 15

Sau khi tự mình lựa chọn ứng cử viên, chị M đã chủ động cầm lá phiếu của mình và của chồng là anh T, để bỏ vào hòm phiếu, đúng lúc đó chị M nhận được điện thoại của chị H là hàng xóm nhờ chị bỏ phiếu giúp theo nội dung mà chị đã gửi qua điện thoại và được chị đồng ý. Khi chị M bỏ phiếu cho chị H, chị E là hội trưởng hội phụ nữ thôn quan sát thấy chị M lựa chọn nhân sự là người đang cạnh tranh với chồng mình là anh D, nên đã đề nghị chị M sửa lại nhưng chị từ chối. Sau khi công bố kết quả bầu cử, thấy chồng mình không trúng cử, cho rằng một phần lỗi là do chị M vì vậy trong hội nghị góp ý kiến vào Luật đất đai sửa đổi của hội phụ nữ, thấy chị M có nhiều ý kiến trái chiều, chị E đã yêu cầu chị M không được phát biểu khiến chị bức tức bỏ ra về.

Câu 14: Những ai dưới đây đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử?

- A. Anh D, chị M và anh T. B. Anh D, anh T và chị H.
C. Anh T, anh D, chị E và chị M. D. Anh T, chị H, chị E và chị M.

Câu 15: Hành vi ngăn cản chị M phát biểu ý kiến đóng góp vào Luật đất đai sửa đổi của chị E là đã vi phạm quyền dân chủ nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử.
B. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
C. Quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của công dân.
D. Quyền khiếu nại khi lợi ích của mình bị xâm phạm.

Câu 16: Tại thời điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, công dân vi phạm nghĩa vụ bầu cử khi

- A. nghiên cứu lí lịch ứng cử viên. B. kiểm tra niêm phong hòm phiếu.
C. bỏ phiếu thay cử tri vắng mặt. D. giám sát hoạt động bầu cử.

Câu 17: Một trong những hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử là dẫn đến

- A. giảm lòng tin của nhân dân. B. giảm thời gian nghỉ ngơi.
C. sai dự toán kinh phí. D. sai lệch cơ cấu đại biểu.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 18,19,20,21

Cùng với sự nỗ lực của Đảng, Nhà nước và toàn thể xã hội trong những năm qua, phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia ngày càng nhiều vào các lĩnh vực của đời sống xã hội; được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ; có việc làm, thu nhập và ngày càng độc lập, tự chủ hơn về kinh tế; tham gia các hoạt động xã hội ngày

càng nhiều hơn; được chăm sóc sức khỏe; thụ hưởng những giá trị văn hóa, tinh thần; có quyền tự chủ hơn trong quyết định kết hôn, sinh con,... Tỷ lệ phụ nữ người dân tộc thiểu số có công việc hưởng lương; tỷ lệ nữ cán bộ, công chức; tỷ lệ nữ dân tộc thiểu số làm kinh doanh ngày càng tăng. Ngày càng có nhiều phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia hoạt động chính trị, đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo ở các ban, ngành, đoàn thể Trung ương và hệ thống chính trị của đất nước. Chỉ tính riêng Quốc hội khóa XIV có 133 nữ đại biểu thì 41 nữ đại biểu là người dân tộc thiểu số. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số đã tăng rõ rệt qua từng khóa (từ 4,5% ở khóa IX lên 8,3% ở khóa XIV) và gần như ngang bằng với số đại biểu Quốc hội người dân tộc thiểu số là nam giới (khóa XII có 42 nữ/45 nam, khóa XIII có 39 nữ/39 nam và khóa XIV có 41 nữ/45 nam).

Câu 18: Việc ngày càng nhiều phụ nữ người dân tộc thiểu số được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, có việc làm, thu nhập là thể hiện nội dung nào dưới đây trong việc đảm bảo công dân bình đẳng trước pháp luật ở nước ta?

- A. Mọi công dân đều bình đẳng về hưởng quyền.
- B. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ.
- C. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- D. Công dân bình đẳng về lao động và việc làm.

Câu 19: Nội dung nào dưới đây thể hiện các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều bình đẳng về chính trị?

- A. Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ.
- B. Có việc làm và thu nhập, hưởng thụ văn hóa.
- C. Tỷ lệ nữ đại biểu là người dân tộc tăng cao.
- D. Có quyền chủ động hơn trong việc sinh con.

Câu 20: Việc tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số có một tỷ lệ phù hợp tham gia vào khu vực công, cũng như bộ máy nhà nước là tạo điều kiện để công dân thực hiện tốt quyền dân chủ nào dưới đây?

- A. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- B. Quyền bầu cử, ứng cử.
- C. Quyền tham gia bảo vệ Tổ quốc.
- D. Quyền tự do ngôn luận.

Câu 21: Phụ nữ dân tộc thiểu số có quyền tự chủ hơn trong quyết định kết hôn và sinh con là kết quả của việc thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Lao động.
- B. Việc làm.
- C. Kinh doanh.
- D. Gia đình

Câu 22: Theo quy định của pháp luật, công dân đủ bao nhiêu tuổi trở lên thì có quyền tham gia bầu cử?

- A. 21 tuổi.
- B. 18 tuổi.
- C. 19 tuổi.
- D. 17 tuổi.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23,24

Nói đến thành tựu bảo đảm quyền con người không thể không nói tới những nỗ lực của Nhà nước Việt Nam trong chăm sóc, bảo đảm quyền của nhóm xã hội dễ bị tổn thương, bao gồm phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật. Trẻ em ngày càng được chăm sóc và bảo vệ tốt hơn để phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần; Tỷ lệ nữ giới được giáo dục ở mọi cấp tăng cao. Các chính sách đổi mới của Việt Nam đã tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động kinh tế-xã hội của đất nước. Việc sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của bà con cũng rất được tôn trọng. Người có tín ngưỡng, tín đồ các tôn giáo được tự do bày tỏ đức tin tại gia đình, cơ sở thờ tự hoặc điểm nhóm đăng ký với chính quyền. Tổ chức tôn giáo được hoạt động theo Hiến chương, điều lệ; nâng cấp, xây mới cơ sở thờ tự; mở rộng quy mô và hình thức sinh hoạt... Các hoạt động lễ hội thường niên của nhiều tôn giáo như lễ Noel của Công giáo, lễ Phật đản của Phật giáo

và hàng loạt lễ hội của các tôn giáo khác đều diễn ra long trọng với sự tham gia của hàng trăm nghìn tín đồ. Một số lễ hội tôn giáo lớn đã trở thành ngày hội chung của đông đảo nhân dân, thể hiện đạo - đời hòa hợp, thắt chặt khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam.

Câu 23: Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp hướng tới nhóm xã hội dễ bị tổn thương bao gồm phụ nữ, trẻ em và người khuyết tật là biện pháp nhằm thực hiện công dân bình đẳng trước pháp luật ở nội dung nào dưới đây?

- A. Mọi công dân đều bình đẳng về hưởng quyền.
- B. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ.
- C. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- D. Công dân bình đẳng về lao động và việc làm.

Câu 24: Các hoạt động lễ hội thường niên của nhiều tôn giáo như lễ Noel của Công giáo, lễ Phật đản của Phật giáo và hàng loạt lễ hội của các tôn giáo khác đều diễn ra long trọng với sự tham gia của hàng trăm nghìn tín đồ điều này góp phần đảm bảo cho mọi công dân đều được tự do thực hiện quyền nào dưới đây?

- A. Quyền có thu nhập hợp pháp.
- B. Quyền tự do tín ngưỡng.
- C. Quyền sở hữu tư nhân.
- D. Quyền thừa kế tài sản.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d), thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Đọc đoạn thông tin sau:

Trên địa bàn huyện X có anh D là người dân tộc Kinh, chị H là người dân tộc thiểu số. Anh D và chị H cùng nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh, thành lập công ty tư nhân. Anh D đăng ký thành lập công ty sản xuất nước ngọt, còn chị H đăng ký thành lập công ty may quần áo bảo hộ lao động. Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký kinh doanh, xét thấy hồ sơ của hai cá nhân này đáp ứng đầy đủ quy định của pháp luật, các cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho anh D và chị H trong thời hạn quy định. Trong thời gian đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, anh D và chị H luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật về kê khai và nộp thuế, tuy nhiên sau đó do tác động của dịch bệnh, chị H thường xuyên chậm nộp thuế nên bị cơ quan chức năng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, với việc nghiêm chỉnh chấp hành việc nộp thuế, anh D được cơ quan chức năng đề xuất với cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo quy định. Trong đợt bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã, anh D và chị H cùng ra ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân xã, sau đó anh D đã trúng cử với số phiếu bầu cao. Trong thời gian anh D làm đại biểu hội đồng nhân dân anh đã tích cực hướng dẫn giúp bà con trong xã phát triển kinh tế vươn lên làm giàu.

- a. Việc xử phạt chị H về việc chậm nộp thuế còn anh D được đề xuất khen thưởng là thể hiện công dân bình đẳng trước pháp luật.
- b. Anh D trúng cử Hội đồng nhân dân xã, còn chị H không trúng cử điều này thể hiện sự phân biệt về giới trên lĩnh vực chính trị.
- c. Anh D và chị H đều được thực hiện quyền đăng ký kinh doanh và làm chủ doanh nghiệp là thể hiện bình đẳng giới trên lĩnh vực kinh tế.
- d. Việc chị H không trúng cử vì chị là người dân tộc thiểu số là điều phù hợp vì người dân tộc thiểu số không được thực hiện quyền ứng cử.

PHẦN III. Tự luận

Câu 1 (1.5 điểm): Khi thấy ở công ty A, các nhân viên nam và nữ đều được trả cùng mức lương cho cùng một vị trí và đều có cơ hội thăng tiến như nhau, chị H là nhân viên của công ty B thấy mình rất thiệt thòi vì công ty B thường giao nhiều việc hơn cho nhân viên nam dẫn đến việc trả lương thấp hơn cho nhân viên nữ so với nhân viên nam. Chị H dự định rủ các nhân viên nữ khác đang làm cùng công ty viết đơn khiếu nại gửi lên lãnh đạo công ty để bảo vệ quyền lợi của mình. Hỏi:

- a) Nội dung trên đề cập đến vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực nào?
- b) Trình bày nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực đó.

Câu 4: Nội dung nào dưới đây thể hiện các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều bình đẳng về chính trị?

- A. Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ.
- B. Tỷ lệ nữ đại biểu là người dân tộc tăng cao.
- C. Có việc làm và thu nhập, hưởng thụ văn hóa.
- D. Có quyền chủ động hơn trong việc sinh con.

Câu 5: Việc ngày càng nhiều phụ nữ người dân tộc thiểu số được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, có việc làm, thu nhập là thể hiện nội dung nào dưới đây trong việc đảm bảo công dân bình đẳng trước pháp luật ở nước ta?

- A. Mọi công dân đều bình đẳng về hưởng quyền.
- B. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ.
- C. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- D. Công dân bình đẳng về lao động và việc làm.

Câu 6: Việc tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số có một tỷ lệ phù hợp tham gia vào khu vực công, cũng như bộ máy nhà nước là tạo điều kiện để công dân thực hiện tốt quyền dân chủ nào dưới đây?

- A. Quyền tham gia bảo vệ Tổ quốc.
- B. Quyền bầu cử, ứng cử.
- C. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- D. Quyền tự do ngôn luận.

Câu 7: Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, địa vị, giới tính, tôn giáo là thể hiện quyền bình đẳng trước pháp luật ở nội dung nào dưới đây?

- A. Bình đẳng về thành phần xã hội.
- B. Bình đẳng dân tộc.
- C. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- D. Bình đẳng tôn giáo.

Câu 8: Bất kì công dân nào đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được bình đẳng về hưởng quyền và phải

- A. ủy quyền lập di chúc thừa kế.
- B. thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước.
- C. truyền bá các nghi lễ tôn giáo.
- D. chia đều các nguồn thu nhập.

Câu 9: Công dân dù ở địa vị nào, làm bất cứ nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm

- A. bồi thường.
- B. cải chính.
- C. hòa giải.
- D. pháp lí.

Câu 10: Bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình thể hiện ở việc vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. che giấu hành vi bạo lực.
- B. chiếm hữu tài sản công cộng.
- C. tôn trọng danh dự của nhau.
- D. áp đặt quan điểm cá nhân.

Câu 11: Theo quy định của pháp luật, nam và nữ đều có quyền bình đẳng trong việc tiếp cận thị trường vốn để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh là nội dung cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trên lĩnh vực

- A. tài sản.
- B. kinh tế.
- C. gia đình.
- D. văn hóa.

Câu 12: Phát biểu nào dưới đây là sai về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo?

- A. Nam nữ bình đẳng về lựa chọn ngành nghề học tập.
- B. Nam nữ bình đẳng trong tiếp cận nguồn vốn.
- C. Nam nữ bình đẳng về độ tuổi đi học.
- D. Nam nữ bình đẳng khi tiếp cận chính sách giáo dục.

Câu 13: Những chính sách phát triển kinh tế- xã hội mà Nhà nước ban hành cho vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng sâu vùng xa là góp phần thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. kinh tế.
- B. văn hóa.
- C. chính trị.
- D. xã hội.

Câu 14: Việc làm nào dưới đây thể hiện công dân thực hiện tốt nghĩa vụ tham gia quản lý nhà nước và xã hội?

- A. Chủ động tiếp cận thông tin.
- B. Tôn trọng quyền lợi của người khác.
- C. Giám sát việc thực hiện bầu cử.
- D. Khiếu nại tới cơ quan chức năng.

Câu 15: Theo quy định của pháp luật, công dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Sử dụng dịch vụ công cộng.
- B. Khai báo hồ sơ dịch tễ trực tuyến.
- C. Giám sát việc giải quyết khiếu nại.
- D. Đề cao quản điểm cá nhân.

Câu 16: Cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực

- A. tôn giáo.
- B. văn hóa.
- C. giáo dục.
- D. tín ngưỡng.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây là sai về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo ở nước ta?

- A. Mọi người có quyền tự do hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.
- B. Mọi người có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào.
- C. Nhà nước tôn trọng và bảo vệ mọi tôn giáo ở Việt Nam.
- D. Nhà nước tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tôn giáo theo quy định của pháp luật.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 18,19

Sau khi tự mình lựa chọn ứng cử viên, chị M đã chủ động cầm lá phiếu của mình và của chồng là anh T, để bỏ vào hòm phiếu, đúng lúc đó chị M nhận được điện thoại của chị H là hàng xóm nhờ chị bỏ phiếu giúp theo nội dung mà chị đã gửi qua điện thoại và được chị đồng ý. Khi chị M bỏ phiếu cho chị H, chị E là hội trưởng hội phụ nữ thôn quan sát thấy chị M lựa chọn nhân sự là người đang cạnh tranh với chồng mình là anh D, nên đã đề nghị chị M sửa lại nhưng chị từ chối. Sau khi công bố kết quả bầu cử, thấy chồng mình không trúng cử, cho rằng một phần lỗi là do chị M vì vậy trong hội nghị góp ý kiến vào Luật đất đai sửa đổi của hội phụ nữ, thấy chị M có nhiều ý kiến trái chiều, chị E đã yêu cầu chị M không được phát biểu khiến chị bức tức bỏ ra về.

Câu 18: Những ai dưới đây đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử?

- A. Anh D, chị M và anh T.
- B. Anh D, anh T và chị H.
- C. Anh T, chị H, chị E và chị M.
- D. Anh T, anh D, chị E và chị M.

Câu 19: Hành vi ngăn cản chị M phát biểu ý kiến đóng góp vào Luật đất đai sửa đổi của chị E là đã vi phạm quyền dân chủ nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử.
- B. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- C. Quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của công dân.

D. Quyền khiếu nại khi lợi ích của mình bị xâm phạm.

Câu 20: Theo quy định của pháp luật, các tôn giáo được nhà nước công nhận đều

- A. bình đẳng trước pháp luật.
- B. phải công khai thu nhập.
- C. nộp thuế cho nhà nước.
- D. phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Câu 21: Một trong những hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử là dẫn đến

- A. giảm lòng tin của nhân dân.
- B. giảm thời gian nghỉ ngơi.
- C. sai dự toán kinh phí.
- D. sai lệch cơ cấu đại biểu.

Câu 22: Theo quy định của pháp luật, công dân đủ bao nhiêu tuổi trở lên thì có quyền tham gia bầu cử?

- A. 21 tuổi.
- B. 17 tuổi.
- C. 19 tuổi.
- D. 18 tuổi.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23,24

Nói đến thành tựu bảo đảm quyền con người không thể không nói tới những nỗ lực của Nhà nước Việt Nam trong chăm sóc, bảo đảm quyền của nhóm xã hội dễ bị tổn thương, bao gồm phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật. Trẻ em ngày càng được chăm sóc và bảo vệ tốt hơn để phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần; Tỷ lệ nữ giới được giáo dục ở mọi cấp tăng cao. Các chính sách đổi mới của Việt Nam đã tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động kinh tế-xã hội của đất nước. Việc sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của bà con cũng rất được tôn trọng. Người có tín ngưỡng, tín đồ các tôn giáo được tự do bày tỏ đức tin tại gia đình, cơ sở thờ tự hoặc điểm nhóm đăng ký với chính quyền. Tổ chức tôn giáo được hoạt động theo Hiến chương, điều lệ; nâng cấp, xây mới cơ sở thờ tự; mở rộng quy mô và hình thức sinh hoạt... Các hoạt động lễ hội thường niên của nhiều tôn giáo như lễ Noel của Công giáo, lễ Phật đản của Phật giáo và hàng loạt lễ hội của các tôn giáo khác đều diễn ra long trọng với sự tham gia của hàng trăm nghìn tín đồ. Một số lễ hội tôn giáo lớn đã trở thành ngày hội chung của đông đảo nhân dân, thể hiện đạo - đời hòa hợp, thắt chặt khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam.

Câu 23: Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp hướng tới nhóm xã hội dễ bị tổn thương bao gồm phụ nữ, trẻ em và người khuyết tật là biện pháp nhằm thực hiện công dân bình đẳng trước pháp luật ở nội dung nào dưới đây?

- A. Mọi công dân đều bình đẳng về hưởng quyền.
- B. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ.
- C. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- D. Công dân bình đẳng về lao động và việc làm.

Câu 24: Các hoạt động lễ hội thường niên của nhiều tôn giáo như lễ Noel của Công giáo, lễ Phật đản của Phật giáo và hàng loạt lễ hội của các tôn giáo khác đều diễn ra long trọng với sự tham gia của hàng trăm nghìn tín đồ điều này góp phần đảm bảo cho mọi công dân đều được tự do thực hiện quyền nào dưới đây?

- A. Quyền có thu nhập hợp pháp.
- B. Quyền tự do tín ngưỡng.
- C. Quyền sở hữu tư nhân.
- D. Quyền thừa kế tài sản.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d), thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Đọc đoạn thông tin sau:

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em cùng sinh sống (có 53 dân tộc thiểu số, với gần 14 triệu người, chiếm khoảng 14,3% dân số cả nước); nhu cầu chính đáng về tín ngưỡng, tôn giáo luôn được các cấp chính quyền quan tâm hướng dẫn, giải quyết, tiêu biểu, như: cộng đồng dân tộc Chăm theo Hồi

giáo và đạo Bà la môn được thành lập Ban đại diện cộng đồng để hỗ trợ sinh hoạt tôn giáo; Giáo hội Phật giáo Việt Nam xây dựng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer để đáp ứng nhu cầu đào tạo tu sĩ Phật giáo Nam tông Khmer; kinh sách của các tổ chức tôn giáo đã được xuất bản bằng 13 thứ tiếng dân tộc; Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc bảo đảm quyền bầu cử, ứng cử cho người dân tộc thiểu số, người trong vùng có đạo, bảo đảm tỷ lệ thích đáng, phù hợp đại diện các dân tộc, người của các tổ chức tôn giáo trong cơ quan Quốc hội cũng như Hội đồng nhân dân các cấp. Trong danh sách 499 người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, có 89 đại biểu là người dân tộc thiểu số, có 05 vị chức sắc trúng cử đại biểu, 88 chức sắc, chức việc và 35 tín đồ các tôn giáo trúng cử đại biểu HĐND cấp tỉnh; 225 chức sắc, chức việc, nhà tu hành và 246 tín đồ trúng cử đại biểu HĐND cấp huyện. Đặc biệt Quốc hội khóa XV có 151 đại biểu là nữ, chiếm tỷ lệ 30,26%. Đây là lần thứ hai tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội Việt Nam đạt trên 30%, số lượng nữ đại biểu là người dân tộc thiểu số tại Quốc hội khóa XV cũng tăng (44 người so với 41 người của khóa XIV), nữ giới chiếm đến 49,43% tổng số đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số (44/89 đại biểu).

- a. Việc quy định cụ thể tỷ lệ nữ giới trong các cơ quan nhà nước là biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới mang tính lâu dài và đạt hiệu quả cao.
- b. Ở Việt Nam chỉ những tôn giáo lớn mới được xây dựng cơ sở thờ tự và tổ chức các hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo.
- c. Số người trúng cử vào các cơ quan trong bộ máy nhà nước là người dân tộc thiểu số ngày càng tăng cao chỉ mang tính chất hình thức vì họ không được giữ các vị trí chủ chốt trong bộ máy nhà nước.
- d. Chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo là một trong những chính sách lớn của Đảng và nhà nước góp phần trực tiếp vào việc thực hiện mục tiêu đại đoàn kết toàn dân.

PHẦN III. Tự luận

Câu 1 (1.5 điểm): Khi thấy ở công ty A, các nhân viên nam và nữ đều được trả cùng mức lương cho cùng một vị trí và đều có cơ hội thăng tiến như nhau, chị H là nhân viên của công ty B thấy mình rất thiệt thòi vì công ty B thường giao nhiều việc hơn cho nhân viên nam dẫn đến việc trả lương thấp hơn cho nhân viên nữ so với nhân viên nam. Chị H dự định rủ các nhân viên nữ khác đang làm cùng công ty viết đơn khiếu nại gửi lên lãnh đạo công ty để bảo vệ quyền lợi của mình. Hỏi:

- a) Nội dung trên đề cập đến vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực nào?
- b) Trình bày nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực đó.

Câu 2 (1.5 điểm): Ông M là Tổ trưởng Tổ bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã. Để giúp bà V chị gái mình trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, ông M đã tự ý lấy một số phiếu bầu trong hòm phiếu được niêm phong để gạch tên các ứng viên khác và chỉ để tên của bà V.

Theo em, hành vi của ông M có vi phạm quy định của pháp luật về quyền bầu cử của công dân không? Hậu quả của hành vi đó là gì?

---HẾT---

TRƯỜNG THPT MẠC ĐĨNH CHI

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

MÔN GDKT&PL – LỚP 11 - Mã đề 321

THỜI GIAN: 45 PHÚT

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực

- A. tôn giáo. B. văn hóa. C. giáo dục. D. tín ngưỡng.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây là sai về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo ở nước ta?

- A. Mọi người có quyền tự do hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.
B. Mọi người có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào.
C. Nhà nước tôn trọng và bảo vệ mọi tôn giáo ở Việt Nam.
D. Nhà nước tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tôn giáo theo quy định của pháp luật.

Câu 3: Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, địa vị, giới tính, tôn giáo là thể hiện quyền bình đẳng trước pháp luật ở nội dung nào dưới đây?

- A. Bình đẳng về thành phần xã hội. B. Bình đẳng dân tộc.
C. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. D. Bình đẳng tôn giáo.

Câu 4: Một trong những hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử là dẫn đến

- A. giảm lòng tin của nhân dân. B. giảm thời gian nghỉ ngơi.
C. sai dự toán kinh phí. D. sai lệch cơ cấu đại biểu.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, công dân đủ bao nhiêu tuổi trở lên thì có quyền tham gia bầu cử?

- A. 21 tuổi. B. 17 tuổi. C. 18 tuổi. D. 19 tuổi.

Câu 6: Bất kì công dân nào đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được bình đẳng về hưởng quyền và phải

- A. ủy quyền lập di chúc thừa kế. B. thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước.
C. truyền bá các nghi lễ tôn giáo. D. chia đều các nguồn thu nhập.

Câu 7: Công dân dù ở địa vị nào, làm bất cứ nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm

- A. bồi thường. B. cải chính. C. hòa giải. D. pháp lí.

Câu 8: Bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình thể hiện ở việc vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. che giấu hành vi bạo lực. B. chiếm hữu tài sản công cộng.
C. tôn trọng danh dự của nhau. D. áp đặt quan điểm cá nhân.

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, nam và nữ đều có quyền bình đẳng trong việc tiếp cận thị trường vốn để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh là nội dung cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trên lĩnh vực

- A. tài sản. B. gia đình. C. kinh tế. D. văn hóa.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 10,11

Sau khi tự mình lựa chọn ứng cử viên, chị M đã chủ động cầm lá phiếu của mình và của chồng là anh T, để bỏ vào hòm phiếu, đúng lúc đó chị M nhận được điện thoại của chị H là hàng xóm nhờ chị bỏ phiếu giúp theo nội dung mà chị đã gửi qua điện thoại và được chị đồng ý. Khi chị M bỏ phiếu cho chị H, chị E là hội trưởng hội phụ nữ thôn quan sát thấy chị M lựa chọn nhân sự là người đang cạnh tranh với chồng mình là anh D, nên đã đề nghị chị M sửa lại nhưng chị từ chối. Sau khi công bố kết quả bầu cử, thấy chồng mình không trúng cử, cho rằng một phần lỗi là do chị M vì vậy trong hội nghị góp ý kiến vào Luật đất đai sửa đổi của hội phụ nữ, thấy chị M có nhiều ý kiến trái chiều, chị E đã yêu cầu chị M không được phát biểu khiến chị bức tức bỏ ra về.

- A. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ.
- B. Mọi công dân đều bình đẳng về hưởng quyền.
- C. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- D. Công dân bình đẳng về lao động và việc làm.

Câu 17: Các hoạt động lễ hội thường niên của nhiều tôn giáo như lễ Noel của Công giáo, lễ Phật đản của Phật giáo và hàng loạt lễ hội của các tôn giáo khác đều diễn ra long trọng với sự tham gia của hàng trăm nghìn tín đồ điều này góp phần đảm bảo cho mọi công dân đều được tự do thực hiện quyền nào dưới đây?

- A. Quyền có thu nhập hợp pháp.
- B. Quyền tự do tín ngưỡng.
- C. Quyền sở hữu tư nhân.
- D. Quyền thừa kế tài sản.

Câu 18: Theo quy định của pháp luật, công dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Sử dụng dịch vụ công cộng.
- B. Khai báo hồ sơ dịch tễ trực tuyến.
- C. Giám sát việc giải quyết khiếu nại.
- D. Đề cao quản điểm cá nhân.

Câu 19: Nội dung nào dưới đây là hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội?

- A. Giảm lòng tin của nhân dân.
- B. Phát huy vai trò của người dân.
- C. Mở rộng dân chủ trong nhân dân.
- D. Tăng cường năng lực giám sát,

Câu 20: Tại thời điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, công dân vi phạm nghĩa vụ bầu cử khi

- A. nghiên cứu lí lịch ứng cử viên.
- B. kiểm tra niêm phong hòm phiếu.
- C. bỏ phiếu thay cử tri vắng mặt.
- D. giám sát hoạt động bầu cử.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 21,22,23,24

Cùng với sự nỗ lực của Đảng, Nhà nước và toàn thể xã hội trong những năm qua, phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia ngày càng nhiều vào các lĩnh vực của đời sống xã hội; được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ; có việc làm, thu nhập và ngày càng độc lập, tự chủ hơn về kinh tế; tham gia các hoạt động xã hội ngày càng nhiều hơn; được chăm sóc sức khỏe; thụ hưởng những giá trị văn hóa, tinh thần; có quyền tự chủ hơn trong quyết định kết hôn, sinh con,... Tỷ lệ phụ nữ người dân tộc thiểu số có công việc hưởng lương; tỷ lệ nữ cán bộ, công chức; tỷ lệ nữ dân tộc thiểu số làm kinh doanh ngày càng tăng. Ngày càng có nhiều phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia hoạt động chính trị, đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo ở các ban, ngành, đoàn thể Trung ương và hệ thống chính trị của đất nước. Chỉ tính riêng Quốc hội khóa XIV có 133 nữ đại biểu thì 41 nữ đại biểu là người dân tộc thiểu số. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số đã tăng rõ rệt qua từng khóa (từ 4,5% ở khóa IX lên 8,3% ở khóa XIV) và gần như ngang bằng với số đại biểu Quốc hội người dân tộc thiểu số là nam giới (khóa XII có 42 nữ/45 nam, khóa XIII có 39 nữ/39 nam và khóa XIV có 41 nữ/45 nam).

Câu 21: Phụ nữ dân tộc thiểu số có quyền tự chủ hơn trong quyết định kết hôn và sinh con là kết quả của việc thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Lao động.
- B. Việc làm.
- C. Kinh doanh.
- D. Gia đình

Câu 22: Việc tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số có một tỷ lệ phù hợp tham gia vào khu vực công, cũng như bộ máy nhà nước là tạo điều kiện để công dân thực hiện tốt quyền dân chủ nào dưới đây?

- A. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- B. Quyền bầu cử, ứng cử.

C. Quyền tham gia bảo vệ Tổ quốc.

D. Quyền tự do ngôn luận.

Câu 23: Việc ngày càng nhiều phụ nữ người dân tộc thiểu số được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, có việc làm, thu nhập là thể hiện nội dung nào dưới đây trong việc đảm bảo công dân bình đẳng trước pháp luật ở nước ta?

A. Mọi công dân đều bình đẳng về hưởng quyền.

B. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ.

C. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

D. Công dân bình đẳng về lao động và việc làm.

Câu 24: Nội dung nào dưới đây thể hiện các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều bình đẳng về chính trị?

A. Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

B. Có việc làm và thu nhập, hưởng thụ văn hóa.

C. Tỷ lệ nữ đại biểu là người dân tộc tăng cao.

D. Có quyền chủ động hơn trong việc sinh con.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d), thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Đọc đoạn thông tin sau:

Cuộc họp tổng kết năm của xã X có ông A là chủ tịch, ông V là phó chủ tịch, chị M bí thư Đoàn thanh niên và chị H, anh D, anh Y là đại diện các hộ dân của xã cùng tham gia. Khi chị H có ý kiến đề nghị xem xét việc một vài gia đình trong xã sử dụng đất nông nghiệp sai mục đích, cũng như việc cấp đất của chính quyền địa phương có dấu hiệu sai phạm. Vì trong đó có người thân của ông A nên ông đã yêu cầu chị H dừng phát biểu và cho rằng việc này do lãnh đạo xã quyết định, người dân không cần phát biểu ý kiến. Thấy chị H vẫn tiếp tục trình bày ý kiến của mình nên ông V cắt ngang lời và đuổi chị ra ngoài rồi chỉ đạo anh D giám sát chị. Thời gian sau đó, khi triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp, ông A đã chỉ đạo ông V không đưa chị H vào danh sách bầu cử với lý do chị H gây rối an ninh trật tự, biết được thông tin này qua anh Y, cho rằng ông A và ông V cố tình gây khó khăn cho mình, chị H đã ghép ảnh ông A với chị M có quan hệ bất chính rồi đăng lên mạng xã hội khiến cho uy tín của ông A và chị M bị suy giảm, nhiều cử tri đã kéo tới Ủy ban nhân dân xã yêu cầu ông A và chị M phải từ chức đồng thời làm đơn rút khỏi danh sách ứng cử nhiệm kỳ tới.

a. Hành vi ngăn cản công dân trình bày ý kiến trong cuộc họp là hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

b. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm, dân có quyền bày tỏ ý kiến của mình trong cuộc họp là thể hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

c. Chị H không đủ điều kiện được cấp thẻ cử tri để tham gia bầu cử vì chị có hành vi chống đối chính quyền điều này là phù hợp với quy định của pháp luật về bầu cử.

d. Cử tri xã X đã có hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử cũng như thực hiện chưa đúng quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân.

PHẦN III. Tự luận

Câu 1 (1.5 điểm): Khi thấy ở công ty A, các nhân viên nam và nữ đều được trả cùng mức lương cho cùng một vị trí và đều có cơ hội thăng tiến như nhau, chị H là nhân viên của công ty B thấy mình rất thiệt thòi vì công ty B thường giao nhiều việc hơn cho nhân viên nam dẫn đến việc trả lương thấp hơn cho nhân

viên nữ so với nhân viên nam. Chị H dự định rủ các nhân viên nữ khác đang làm cùng công ty viết đơn khiếu nại gửi lên lãnh đạo công ty để bảo vệ quyền lợi của mình. Hỏi:

a) Nội dung trên đề cập đến vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực nào?

b) Trình bày nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực đó.

Câu 2 (1.5 điểm): Ông M là Tổ trưởng Tổ bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã. Để giúp bà V chị gái mình trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, ông M đã tự ý lấy một số phiếu bầu trong hòm phiếu được niêm phong để gạch tên các ứng viên khác và chỉ để tên của bà V.

Theo em, hành vi của ông M có vi phạm quy định của pháp luật về quyền bầu cử của công dân không? Hậu quả của hành vi đó là gì?

---HẾT---

TRƯỜNG THPT MẠC ĐÌNH CHI

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

MÔN GDKT&PL – LỚP 11 - Mã đề 447

THỜI GIAN: 45 PHÚT

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Phát biểu nào dưới đây là sai về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo?

- A. Nam nữ bình đẳng về lựa chọn ngành nghề học tập.
- B. Nam nữ bình đẳng trong tiếp cận nguồn vốn.
- C. Nam nữ bình đẳng về độ tuổi đi học.
- D. Nam nữ bình đẳng khi tiếp cận chính sách giáo dục.

Câu 2: Những chính sách phát triển kinh tế- xã hội mà Nhà nước ban hành cho vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng sâu vùng xa là góp phần thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. kinh tế. B. văn hóa. C. chính trị. D. xã hội.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, các tôn giáo được nhà nước công nhận đều

- A. phải chịu trách nhiệm pháp lý. B. phải công khai thu nhập.
C. nộp thuế cho nhà nước. D. bình đẳng trước pháp luật.

Câu 4: Việc làm nào dưới đây thể hiện công dân thực hiện tốt nghĩa vụ tham gia quản lý nhà nước và xã hội?

- A. Chủ động tiếp cận thông tin. B. Tôn trọng quyền lợi của người khác.
C. Giám sát việc thực hiện bầu cử. D. Khiếu nại tới cơ quan chức năng.

Câu 5: Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, địa vị, giới tính, tôn giáo là thể hiện quyền bình đẳng trước pháp luật ở nội dung nào dưới đây?

- A. Bình đẳng về thành phần xã hội. B. Bình đẳng dân tộc.
C. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. D. Bình đẳng tôn giáo.

Câu 6: Tại thời điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, công dân vi phạm nghĩa vụ bầu cử khi

- A. nghiên cứu lí lịch ứng cử viên. B. kiểm tra niêm phong hòm phiếu.
C. bỏ phiếu thay cử tri vắng mặt. D. giám sát hoạt động bầu cử.

Câu 7: Một trong những hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử là dẫn đến

- A. giảm lòng tin của nhân dân. B. giảm thời gian nghỉ ngơi.
C. sai dự toán kinh phí. D. sai lệch cơ cấu đại biểu.

Câu 8: Bất kì công dân nào đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được bình đẳng về hưởng quyền và phải

- A. ủy quyền lập di chúc thừa kế. B. thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước.
C. truyền bá các nghi lễ tôn giáo. D. chia đều các nguồn thu nhập.

Câu 9: Công dân dù ở địa vị nào, làm bất cứ nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm

- A. bồi thường. B. cải chính. C. hòa giải. D. pháp lí.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 10,11,12,13

Cùng với sự nỗ lực của Đảng, Nhà nước và toàn thể xã hội trong những năm qua, phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia ngày càng nhiều vào các lĩnh vực của đời sống xã hội; được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ; có việc làm, thu nhập và ngày càng độc lập, tự chủ hơn về kinh tế; tham gia các hoạt động xã hội ngày càng nhiều hơn; được chăm sóc sức khỏe; thụ hưởng những giá trị văn hóa, tinh thần; có quyền tự chủ hơn trong quyết định kết hôn, sinh con,... Tỷ lệ phụ nữ người dân tộc thiểu số có công việc hưởng lương; tỷ lệ nữ cán bộ, công chức; tỷ lệ nữ dân tộc thiểu số làm kinh doanh ngày càng tăng. Ngày càng có nhiều phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia hoạt động chính trị, đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo ở các ban, ngành, đoàn thể Trung ương và hệ thống chính trị của đất nước. Chỉ tính riêng Quốc hội khóa XIV có 133 nữ đại biểu thì 41 nữ đại biểu là người dân tộc thiểu số. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số đã tăng rõ rệt qua từng khóa (từ 4,5% ở khóa IX lên 8,3% ở khóa XIV) và gần như ngang bằng với số đại biểu Quốc hội người dân tộc thiểu số là nam giới (khóa XII có 42 nữ/45 nam, khóa XIII có 39 nữ/39 nam và khóa XIV có 41 nữ/45 nam).

Câu 10: Việc ngày càng nhiều phụ nữ người dân tộc thiểu số được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, có việc làm, thu nhập là thể hiện nội dung nào dưới đây trong việc đảm bảo công dân bình đẳng trước pháp luật ở nước ta?

- A. Mọi công dân đều bình đẳng về hưởng quyền.
- B. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ.
- C. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- D. Công dân bình đẳng về lao động và việc làm.

Câu 11: Phụ nữ dân tộc thiểu số có quyền tự chủ hơn trong quyết định kết hôn và sinh con là kết quả của việc thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Lao động.
- B. Việc làm.
- C. Kinh doanh.
- D. Gia đình

Câu 12: Nội dung nào dưới đây thể hiện các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều bình đẳng về chính trị?

- A. Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ.
- B. Có việc làm và thu nhập, hưởng thụ văn hóa.
- C. Tỷ lệ nữ đại biểu là người dân tộc tăng cao.
- D. Có quyền chủ động hơn trong việc sinh con.

Câu 13: Việc tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số có một tỷ lệ phù hợp tham gia vào khu vực công, cũng như bộ máy nhà nước là tạo điều kiện để công dân thực hiện tốt quyền dân chủ nào dưới đây?

- A. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- B. Quyền bầu cử, ứng cử.
- C. Quyền tham gia bảo vệ Tổ quốc.
- D. Quyền tự do ngôn luận.

Câu 14: Bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình thể hiện ở việc vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. che giấu hành vi bạo lực.
- B. chiếm hữu tài sản công cộng.
- C. tôn trọng danh dự của nhau.
- D. áp đặt quan điểm cá nhân.

Câu 15: Theo quy định của pháp luật, nam và nữ đều có quyền bình đẳng trong việc tiếp cận thị trường vốn để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh là nội dung cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trên lĩnh vực

- A. tài sản.
- B. kinh tế.
- C. gia đình.
- D. văn hóa.

Câu 16: Cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực

- A. tôn giáo.
- B. văn hóa.
- C. giáo dục.
- D. tín ngưỡng.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây là sai về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo ở nước ta?

- A. Mọi người có quyền tự do hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.
- B. Mọi người có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào.
- C. Nhà nước tôn trọng và bảo vệ mọi tôn giáo ở Việt Nam.
- D. Nhà nước tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tôn giáo theo quy định của pháp luật.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 18,19

Nói đến thành tựu bảo đảm quyền con người không thể không nói tới những nỗ lực của Nhà nước Việt Nam trong chăm sóc, bảo đảm quyền của nhóm xã hội dễ bị tổn thương, bao gồm phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật. Trẻ em ngày càng được chăm sóc và bảo vệ tốt hơn để phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần; Tỷ lệ nữ giới được giáo dục ở mọi cấp tăng cao. Các chính sách đổi mới của Việt Nam đã tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động kinh tế-xã hội của đất nước. Việc sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của bà con cũng rất được tôn trọng. Người có tín ngưỡng, tín đồ các tôn giáo được tự do bày tỏ đức tin tại gia đình, cơ sở thờ tự hoặc điểm nhóm đăng ký với chính quyền. Tổ chức tôn giáo được hoạt động theo Hiến chương, điều lệ; nâng cấp, xây mới cơ sở thờ tự; mở rộng quy mô và hình thức sinh hoạt... Các hoạt động lễ hội thường niên của nhiều tôn giáo như lễ Noel của Công giáo, lễ Phật đản của Phật giáo và hàng loạt lễ hội của các tôn giáo khác đều diễn ra long trọng với sự tham gia của hàng trăm nghìn tín đồ. Một số lễ hội tôn giáo lớn đã trở thành ngày hội chung của đông đảo nhân dân, thể hiện đạo - đời hòa hợp, thắt chặt khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam.

Câu 18: Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp hướng tới nhóm xã hội dễ bị tổn thương bao gồm phụ nữ, trẻ em và người khuyết tật là biện pháp nhằm thực hiện công dân bình đẳng trước pháp luật ở nội dung nào dưới đây?

- A. Mọi công dân đều bình đẳng về hưởng quyền.
- B. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ.
- C. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- D. Công dân bình đẳng về lao động và việc làm.

Câu 19: Các hoạt động lễ hội thường niên của nhiều tôn giáo như lễ Noel của Công giáo, lễ Phật đản của Phật giáo và hàng loạt lễ hội của các tôn giáo khác đều diễn ra long trọng với sự tham gia của hàng trăm nghìn tín đồ điều này góp phần đảm bảo cho mọi công dân đều được tự do thực hiện quyền nào dưới đây?

- A. Quyền có thu nhập hợp pháp.
- B. Quyền tự do tín ngưỡng.
- C. Quyền sở hữu tư nhân.
- D. Quyền thừa kế tài sản.

Câu 20: Theo quy định của pháp luật, công dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Sử dụng dịch vụ công cộng.
- B. Khai báo hồ sơ dịch tễ trực tuyến.
- C. Giám sát việc giải quyết khiếu nại.
- D. Đề cao quản điểm cá nhân.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 21,22

Sau khi tự mình lựa chọn ứng cử viên, chị M đã chủ động cầm lá phiếu của mình và của chồng là anh T, để bỏ vào hòm phiếu, đúng lúc đó chị M nhận được điện thoại của chị H là hàng xóm nhờ chị bỏ phiếu giúp theo nội dung mà chị đã gửi qua điện thoại và được chị đồng ý. Khi chị M bỏ phiếu cho chị H, chị E là hội trưởng hội phụ nữ thôn quan sát thấy chị M lựa chọn nhân sự là người đang cạnh tranh với chồng mình là anh D, nên đã đề nghị chị M sửa lại nhưng chị từ chối. Sau khi công bố kết quả bầu cử, thấy chồng mình không trúng cử, cho rằng một phần lỗi là do chị M vì vậy trong hội nghị góp ý kiến vào Luật đất đai sửa đổi của hội phụ nữ, thấy chị M có nhiều ý kiến trái chiều, chị E đã yêu cầu chị M không được phát biểu khiến chị bức tức bỏ ra về.

Câu 21: Những ai dưới đây đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử?

- A. Anh D, chị M và anh T.
- B. Anh D, anh T và chị H.
- C. Anh T, chị H, chị E và chị M.
- D. Anh T, anh D, chị E và chị M.

Câu 22: Hành vi ngăn cản chị M phát biểu ý kiến đóng góp vào Luật đất đai sửa đổi của chị E là đã vi phạm quyền dân chủ nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử.
- B. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

- C. Quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của công dân.
- D. Quyền khiếu nại khi lợi ích của mình bị xâm phạm.

Câu 23: Nội dung nào dưới đây là hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội?

- A. Giảm lòng tin của nhân dân.
- B. Phát huy vai trò của người dân.
- C. Mở rộng dân chủ trong nhân dân.
- D. Tăng cường năng lực giám sát,

Câu 24: Theo quy định của pháp luật, công dân đủ bao nhiêu tuổi trở lên thì có quyền tham gia bầu cử?

- A. 21 tuổi.
- B. 17 tuổi.
- C. 19 tuổi.
- D. 18 tuổi.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d), thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Đọc đoạn thông tin sau:

Tại một cuộc họp bàn về chủ trương nâng cấp nhà văn hóa phường Y có bà H là bí thư Đảng ủy, ông B là chủ tịch và anh D, chị Q là đại diện các hộ dân. Ông B chỉ định anh D đưa ra quan điểm riêng nhưng anh từ chối. Sau đó, chị Q nêu rõ ý kiến đề nghị xem xét về mức đóng góp kinh phí xây dựng và bị bà H buộc chị phải dừng phát biểu nhưng chị Q vẫn tiếp tục trình bày. Thấy vậy, ông B lớn tiếng ép chị Q chấm dứt mọi ý kiến, còn bà H cho gọi anh E công an viên đang trực tại phòng bảo vệ đến phòng họp để đưa chị ra ngoài. Chứng kiến sự việc anh D đã dùng điện thoại quay lại toàn bộ sự việc. Khi phường Y tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri đối với các đại biểu tham gia ứng cử Đại biểu Hội đồng các cấp, sau khi bà H và ông B trình bày chương trình hành động của các ứng cử viên tham gia ứng cử đại biểu hội đồng các cấp, anh D đã công khai vi deo đã quay trước đó với các cử tri trong hội nghị, khiến cho uy tín của ông B và bà H bị suy giảm nghiêm trọng. Khi Hội đồng bầu cử phường Y công bố kết quả bầu cử, thầy mình và bà H không trúng cử, ông B đã chỉ đạo anh E lập bằng chứng giả vu khống anh D gây rối an ninh trật tự trong quá trình tổ chức bầu cử sau đó cùng anh E xông vào nhà anh D khám xét rồi giải anh về giam tại nhà kho hai ngày sau mới thả.

- a. Chị Q nêu ý kiến đề nghị xem xét mức đóng góp kinh phí nâng cấp nhà văn hóa phường là đã thực hiện đúng nghĩa vụ tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân.
- b. Hành vi ép chị Q chấm dứt mọi ý kiến trong cuộc họp là hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- c. Ông B và bà H bị vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử.
- d. Anh D đã thực hiện không đúng nghĩa vụ của công dân trong thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân.

PHẦN III. Tự luận

Câu 1 (1.5 điểm): Khi thấy ở công ty A, các nhân viên nam và nữ đều được trả cùng mức lương cho cùng một vị trí và đều có cơ hội thăng tiến như nhau, chị H là nhân viên của công ty B thấy mình rất thiệt thòi vì công ty B thường giao nhiều việc hơn cho nhân viên nam dẫn đến việc trả lương thấp hơn cho nhân viên nữ so với nhân viên nam. Chị H dự định rủ các nhân viên nữ khác đang làm cùng công ty viết đơn khiếu nại gửi lên lãnh đạo công ty để bảo vệ quyền lợi của mình. Hỏi:

- a) Nội dung trên đề cập đến vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực nào?
- b) Trình bày nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực đó.

Câu 2 (1.5 điểm): Ông M là Tổ trưởng Tổ bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã. Để giúp bà V chị gái mình trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, ông M đã tự ý lấy một số phiếu bầu trong hòm phiếu được niêm phong để gạch tên các ứng viên khác và chỉ để tên của bà V.

Theo em, hành vi của ông M có vi phạm quy định của pháp luật về quyền bầu cử của công dân không? Hậu quả của hành vi đó là gì?

---HẾT---

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	D	B	C	C	A	B	D	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	C	A	C	B	B	C	A	B	C
Câu	21	22	23	24						
Đáp án	C	B	A	D						

II. PHẦN ĐÚNG SAI

CÂU 25: a (Đ), b (Đ), c (S), d (Đ)

III. PHẦN TỰ LUẬN

Câu	Gợi ý trả lời	Điểm
Câu 2	<ul style="list-style-type: none">- Nội dung trên đề cập đến vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động- Trong lĩnh vực lao động, việc áp dụng bình đẳng giới khi tuyển dụng và trả lương, thưởng, đề bạt và bổ nhiệm trong cơ quan tổ chức.	1,5 điểm

Câu 3	<ul style="list-style-type: none">- Hành của ông M đã vi phạm quy định của pháp luật về quyền bầu cử của công dân.- Hành vi làm gian lận kết quả bầu cử của ông M tùy theo tính chất và mức độ có thể bị xử lý kỉ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)	1,5 điểm
--------------	--	-----------------